

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
CẨM LỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-THPTCL

Đà Nẵng, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp
năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CẨM LỆ

Căn cứ Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2012 của Chủ tịch UBND Thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường THPT Cẩm Lệ, Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ tình hình thực tế về số lượng giáo viên của Trường THPT Cẩm Lệ trong năm học 2026-2027;

Căn cứ biên bản họp tập thể lãnh đạo vào ngày 03 tháng 8 năm 2026;

Theo đề nghị của Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác dạy và học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp năm học 2026-2027 gồm các Ông, Bà có tên sau:

(có danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Các Ông/Bà có tên ở Điều 1, Tổ trưởng chuyên môn và các bộ phận, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thông báo toàn cơ quan;
- Website;
- Lưu: VT, HSCM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Huệ

**DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN LÀM CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM
NĂM HỌC 2026-2027**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THPTCL, ngày /8/2026 của
Hiệu trưởng Trường THPT Cẩm Lệ)

CA SÁNG

TT	Họ và tên giáo viên	Chủ nhiệm lớp	Tổ hợp môn lựa chọn	Ghi chú
1.	Châu Thị Hằng	12/1	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	
2.	Nguyễn Châu Linh	12/2	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	
3.	Đào Thị Thùy Linh	12/3	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	
4.	Đào Thị Thu Huyền	12/4	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	(lớp có học sinh KT)
5.	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	12/5	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	
6.	Đoàn Thị Hường Vi	12/6	KHTN: Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	
7.	Nguyễn Bá Phước	12/7	KHXX: Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Vật lý – Công nghệ Công nghiệp	(lớp có học sinh KT)
8.	Lê Phúc Nhi	12/8	KHXX: Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Vật lý – Công nghệ Công nghiệp	(lớp có học sinh KT)
9.	Đặng Thục Đoan	12/9	KHXX: Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Hóa học, Công nghệ Nông nghiệp	(lớp có học sinh KT)
10.	Trần Thị Cẩm Châu	12/10	KHXX: Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Sinh học, Công nghệ Nông nghiệp	(lớp có học sinh KT)
11.	Phan Thị Liên	10/1	KHTN1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Nông nghiệp.	
12.	Nguyễn Thị Thùy Duyên	10/2	KHTN2: Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ Công nghiệp.	
13.	Lê Thị Thu Trang	10/3	KHTN2: Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ Công nghiệp.	
14.	Nguyễn Hoàng Hà Vy	10/4	KHTN2: Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ Công nghiệp.	
15.	Nguyễn Thị Thiên Lý	10/5	KHTN3: Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ Nông nghiệp.	
16.	Trần Nguyễn Thùy Dương	10/6	KHTN3: Vật lý, Hóa học, Tin học, Công nghệ Nông nghiệp.	(lớp có học sinh KT)

CA CHIỀU

TT	Họ và tên giáo viên	Chủ nhiệm lớp	Tổ hợp môn lựa chọn	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Mai Hương	11/1	KHTN1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Công nghiệp	
2.	Nguyễn Vũ Anh Thy	11/2	KHTN1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Công nghiệp	
3.	Phan Thị Xuân Hà	11/3	KHTN2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Nông nghiệp.	
4.	Vũ Nguyễn Bích Trâm	11/4	KHTN2: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ Nông nghiệp.	
5.	Trương Thị Thúy Hồng	11/5	KHXXH1: Hóa học, Tin học, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	(lớp có học sinh KT)
6.	Phan Thảo My	11/6	KHXXH1: Hóa học, Tin học, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	(lớp có học sinh KT)
7.	Lê Thị Thùy Dương	11/7	KHXXH2: Địa lý, Vật lý, Tin học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	(lớp có học sinh KT)
8.	Biện Thị Lam Sa	11/8	KHXXH2: Địa lý, Vật lý, Tin học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	(lớp có học sinh KT)
9.	Trần Thị Tố Như	11/9	KHXXH2: Địa lý, Vật lý, Tin học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	
10.	Hà Đặng Thúy Phương	10/7	KHXXH1: Hóa học, Địa lý, Công nghệ Nông nghiệp, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	
11.	Võ Thị Thúy Hằng	10/8	KHXXH2: Vật lý, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Âm nhạc.	
12.	Trần Thị Như Quỳnh	10/9	KHXXH2: Vật lý, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc.	(lớp có học sinh KT)
13.	Hoàng Thúy Quỳnh	10/10	KHXXH2: Vật lý, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc.	(lớp có học sinh KT)
14.	Nguyễn Thị Hạnh	10/11	KHXXH2: Vật lý, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc.	(lớp có học sinh KT)
15.	Võ Thị Thanh Tuyền	10/12	KHXXH3: Sinh học, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc.	
16.	Phan Thị Xuân Trang	10/13	KHXXH3: Sinh học, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Âm nhạc.	